

Bản án số:139/2018/HSST
Ngày: 20 /11/2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHỔ YÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hà Thị Thu Thủy.

- *Các hội thẩm nhân dân:* Ông Dương Văn Toàn – Cán bộ Phòng văn hóa và thông tin thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Bà Phạm Thị Phượng – Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ xã Phúc Thuận, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thoan – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên tham gia phiên tòa:* Bà Lê Phương Thùy – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2018 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 129/2018/HSST ngày 08 tháng 10 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lò Văn V**; tên gọi khác: Không; sinh năm: 1997, tại NL - TC - Sơn La; trú tại: bản NN, xã NL, huyện TC, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: lớp 07/12; Dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lò Văn S và bà Lò Thị D; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/3/2018 đến nay, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ, lưu giam Công an thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên (có mặt).

2. Họ và tên: **Lò Văn Ph**; tên gọi khác: Không; sinh năm: 1997; tại NL - TC - Sơn La; trú tại: bản NH, xã NL, huyện TC, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: lớp 09/12; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; quốc

tịch: Việt Nam; con ông: Lò Văn Tr và bà Lò Thị Ng; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/3/2018 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tại trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên (có mặt).

3. Họ và tên: **Lò Văn T**; tên gọi khác: Lò Văn T1; sinh năm: 1995; tại: NL - TC - SL; trú tại: bản NI, xã NL, huyện TC, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: lớp 09/12; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lò Văn O và bà Quàng Thị X; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/6/2018 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên (có mặt).

4. Họ và tên: **Quàng Văn Th**; tên gọi khác: Không; sinh năm: 1996; tại: NL - TC - Sơn La; trú tại: bản NH, xã NL, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: lớp 12/12; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Quàng Văn Th và Quàng Thị D; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Văn: Bà Nguyễn Thị Dung – Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thái Nguyên.

- **Người bào chữa cho bị cáo Phỏng:** Bà Nguyễn Ngọc Quỳnh – Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thái Nguyên.

- **Người bào chữa cho bị cáo Tại:** Ông Nguyễn Văn Độ – Luật sư - Thuộc đoàn Luật sư thành phố Thái Nguyên - Cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thái Nguyên.

- **Người bào chữa cho bị cáo Thuận:** Ông Đào Anh Tuấn – Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thái Nguyên.

(Bà Dung, bà Quỳnh, ông Độ, ông Tuấn có mặt tại phiên tòa)

Bị hại: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1998.

Trú tại: Xóm TS 2, xã TT, huyện HH, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

Người làm chứng:

+ ông Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1954;

Trú tại: Xóm V, xã TH, thị xã Phở Yên, Thái Nguyên (vắng mặt).

+ Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1983;

Trú tại: Xóm C, xã HC, huyện PB, Thái Nguyên (có mặt).

+ Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1963 (vắng mặt).

Trú tại: Tổ 3, phường PT, thị xã NL, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau.

Ngày 30/01/2018 Lò Văn V, Lò Văn Ph, Lò Văn T, Quàng Văn Th đến làm thuê ghép Copp pha cho anh Nguyễn Danh Đ, đang thi công tại công trường xây dựng thuộc Công ty Mani đóng trên địa bàn xóm Vàng, xã Tân Hương, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Anh Đ thuê 01 phòng trọ của gia đình ông Nguyễn Văn C, ở xóm V, xã TH, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên cho V, P, T và Th ở. Khoảng 20 giờ ngày 01/01/2018, sau khi đi ăn cơm xong, V, P, T, Th đi về phòng trọ, trên đường về V mua thêm rượu về để uống tiếp. Khi đang ngồi uống rượu ở phòng trọ, V, P, T, Th nhìn thấy chị Nguyễn Thị Th, đến chơi với bạn trai là anh Nguyễn Ngọc Tr cùng thuê trọ tại nhà ông C. Chị Th đi lại qua cửa phòng trọ. V, T, Th lần lượt ra mời chị Th vào phòng uống rượu; chị Th đồng ý. Quá trình nói chuyện các bị cáo hỏi chị Th sinh năm bao nhiêu, tên là gì và làm nghề gì? Chị Th nói dối sinh năm 1992, tên là “Mai Bảo Anh và nghề gì cũng làm”. Sau khi nói chuyện được một lúc, V nói bằng tiếng dân tộc Thái với P, T, Th là “Ăn đi”, dịch ra tiếng dân tộc Kinh là “chơi đi” nghĩa là V bảo cùng nhau thực hiện hành vi quan hệ tình dục với chị Th. P, T, Th cũng hiểu ý của V và cùng gật đầu đồng ý. Khi mọi người đã ăn xong, T dọn bát đĩa, chị Th đứng dậy định đi ra khỏi phòng. V dùng hai tay đẩy chị Th ngã xuống phản gỗ được kê làm giường ngủ rồi ngồi đè lên người chị Th và hô “Tắt điện đi”. T cầm bát đĩa đi ra cửa đồng thời tắt điện rồi đi ra khỏi phòng. Th cũng đi ra ngồi phía trước cửa phòng hút thuốc lào. V và P ở trong phòng, V giữ tay, cởi áo chị Th; P cởi quần của chị Th. Chị Th dùng hai tay khép, giữ lại trước ngực để V không cởi được áo thì bị V giằng ra. V tiếp tục dùng hai tay, tay phải cởi áo chị Th, tay trái giữ một tay chị Th, V cởi được áo khoác ngoài của chị Th. Chị Th nói “Bỏ em ra, cho em về phòng”, V dùng tay phải bịt miệng chị Th, chị Th cắn vào tay V, V bỏ tay ra. Do sợ bị bốn người đánh và nghĩ cách thoát thân, chị Th không dám hô hoán. V tiếp tục dùng tay sờ xuống âm hộ của chị Th, thì thấy quần chị Th đã bị cởi ra. V cởi quần của mình rồi nằm ôm, đè lên người chị Th, đưa dương vật vào âm hộ của chị Th nhưng không được vì chị Th khép hai chân lại. P tiến tới vỗ vai V và nói: “Mày ra ngoài, đến lượt tao”, V nói “Từ từ”, P dùng tay sờ ngực chị Th. Lúc đó, T vào bật điện, tiến tới chỗ V, nói: “Mày bị điên à”, V nói: “Tùng người một”, T lại đi ra và tắt điện. V tiếp tục dùng hai tay đẩy hai đầu gối của chị Th để cho hai chân dãn ra rồi đưa

dương vật vào trong âm hộ của chị Th; khi V cho được dương vật vào trong âm hộ của chị Th bị chị Thoa dùng hai tay đẩy người V ra khiến dương vật tuột ra khỏi âm hộ. V đứng dậy kéo quần lên. Chị Th nói: “Các anh ra đi, em chiều từng người một” nhằm tìm cách thoát ra ngoài, khi nghe chị Th nói vậy, P nói với V, T, Th: “Chúng mày ra ngoài đi”; nghe vậy, V, T, Th đi ra ngoài. Sau đó, P cởi quần, dùng hai tay kéo hai chân chị Th về phía mình rồi đưa dương vật vào âm hộ của chị Th nhưng chị Th giãy giụa để tránh nên Pg không cho dương vật vào được. P kéo hai tay chị Th để chị Th ngồi lên đùi P để giao cấu thì chị Th nói: “Lên phòng em, em chiều anh hết đêm nhưng phải giúp em thoát khỏi ba người kia”. P đồng ý, ngồi dậy, kéo quần lên đồng thời chị Th cũng đứng dậy mặc quần áo. P bật điện rồi cùng chị Th đi ra ngoài. Ra đến ngoài cửa thì chị Th bỏ chạy. Sau đó, P, V, T, Th vào phòng ngủ. Sáng ngày 02/01/2018, V, P, T, Th dậy đi làm việc như bình thường. Khi anh Nguyễn Ngọc T về đến phòng trọ, chị Th đã nói lại cho anh T sự việc xảy ra đêm 01/01/2018. Khoảng 11 giờ ngày 02/01/2018, anh T thấy V, P, T, Th đang ăn cơm trong phòng trọ, anh T đến dùng khóa, khóa cửa ngoài phòng của bốn người lại rồi đưa chị Th lên Công an thị xã Phổ Yên trình báo, chị Th giao nộp 01 chiếc quần lót chị mặc khi các bị cáo thực hiện hành vi hiếp dâm. Sau đó V, P, T, Th dùng búa phá cửa phòng trọ rồi bắt xe về quê.

Ngày 02/01/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Phổ Yên đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 40, trưng cầu Trung tâm pháp y – Sở y tế Thái Nguyên giám định pháp y sinh dục đối với Nguyễn Thị Th.

Tại bản Kết luận giám định pháp y về tình dục số 02/TD ngày 02/01/2018 của Trung tâm pháp y – Sở y tế Thái Nguyên kết luận: *Màng trinh đã rách hoàn toàn, vết rách cũ tại vị trí 3h, 5h, 7h, 9h.*

Ngày 10/01/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Phổ Yên đã trưng cầu Viện khoa học hình sự - Bộ Công an giám định sinh học đối với 01 (một) chiếc quần lót màu tím của chị Nguyễn Thị Th, là chiếc quần chị Th đã mặc khi bị hiếp dâm do chị Th giao nộp.

Tại bản Kết luận số 194/C54(T33) ngày 28/02/2018 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: *Trên chiếc quần lót gửi giám định có tinh trùng của một người nam giới. Lưu kiểu gen (ADN) của người nam giới đã để lại tinh trùng trên chiếc quần lót gửi giám định tại Viện khoa học hình sự - Bộ Công an.*

Ngày 05/3/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Phổ Yên đã Quyết định trưng cầu Viện khoa học hình sự - Bộ Công an giám định bổ sung mẫu ADN đối với ADN trên các mẫu máu và tóc của Nguyễn Thị Th, Nguyễn Ngọc Tr, Lò Văn V, Lò Văn P.

Tại bản Kết luận số 1241/C54(T33) ngày 30/3/2018 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: *Dấu vết tinh trùng của người nam giới bám dính trên chiếc quần lót đã trả lời trong Kết luận giám định số 194/C54(T33) ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an là tinh trùng của Nguyễn Ngọc Tr.*

Anh Tr là bạn trai của chị Th, không liên quan đến vụ án.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 chiếc quần lót màu tím, đã qua sử dụng được niêm phong trong phong bì màu trắng của Bộ công an – Tổng cục cảnh sát PCTP, ký hiệu A.

Tại Cơ quan điều tra bị cáo V, P, T, Th ban đầu đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, sau đó P, T thay đổi lời khai. P không được thực hiện hành vi giao cấu với chị Th, T không được tắt điện cho đồng bọn giao cấu với chị Th. Quá trình Viện kiểm sát thực hiện hỏi cung thì các bị cáo: V, P, T, Th khai nhận hành vi phạm tội như đã khai ban đầu tại cơ quan điều tra.

Bản cáo trạng số 130/CT-VKS ngày 05/10/2018 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Lò Văn V, Lò Văn P, Lò Văn T (T1) về tội "Hiếp dâm", theo điểm c khoản 2 Điều 141 Bộ luật hình sự (viết tắt là BLHS). Truy tố Quảng Văn Th về tội: “Không tố giác tội phạm” Theo khoản 1 Điều 390 BLHS.

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã khai tại cơ quan điều tra.

Kết thúc phần thẩm vấn, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 141; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Lò Văn V từ 8 đến 9 năm tù giam; Lò Văn P từ 7 đến 8 năm tù giam. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 141; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 54 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Lò Văn T (T1) từ 3 đến 4 năm tù giam. Áp dụng khoản 1 Điều 390; điểm b, s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Quảng Văn Th từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường giữa các bị cáo và bị hại; Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo V, P, T, Th trình bày bản luận cứ : Về tội danh nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát . Về hình phạt: Đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo vì: Các bị cáo đều có từ hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa người bị hại đều xin giảm nhẹ hình phạt cho các

bị cáo, các bị cáo đều là người dân tộc Thái, sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn và đều là hộ cận nghèo. Nên các bị cáo đều được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ ở khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo nhận thức về pháp luật có phần hạn chế và một phần do cách trả lời không rõ ràng của bị hại nên đã dẫn đến việc phạm tội của bị cáo. Đối với bị cáo T vai trò phụ, chỉ bắt, tắt điện và có lúc đã có ý thức cản trở việc V thực hiện tội phạm. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự: Xử dưới khung cho bị cáo V, P, T, Th ở mức thấp nhất.

Viện kiểm sát đối đáp: Không chấp nhận với ý kiến của người bào chữa cho các bị cáo về việc đề nghị xem xét xử phạt bị cáo V, P dưới khung hình phạt từ 02 đến 4 năm tù. Mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị là đã xem xét đầy đủ về nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, căn cứ vào tính chất, vị trí, vai trò của từng bị cáo để đề nghị mức hình phạt cho phù hợp. Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm về mức hình phạt đã đề nghị đối với các bị cáo.

Trong phần tranh luận các bị cáo thừa nhận việc truy tố và xét xử là không oan, đúng người, đúng tội, bị cáo nhất trí với đề nghị của người bào chữa, không tranh luận gì thêm. Nói lời sau cùng các bị cáo xin được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Phổ Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] . Về hành vi phạm tội của bị cáo.

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là khách quan, thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra về thời gian, địa điểm, hành vi phạm tội, phù hợp với

lời khai của bị hại, người làm chứng và các chứng cứ tài liệu khác được thu thập hợp lệ có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử đủ căn cứ xác định: Khoảng 20 giờ ngày 01/01/2018, tại phòng trọ của gia đình ông Nguyễn Văn Ch thuộc xóm V, xã TH, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên. Lò Văn V đã nói với P, T,Th bằng tiếng dân tộc Thái “ Ỉn đi” nghĩa theo tiếng dân tộc kinh là “Chơi đi” các bị cáo P, T, Th đều hiểu ý V nói là rủ nhau quan hệ tình dục với chị Th, cả ba đều gật đầu đồng ý. V là người trực tiếp đẩy chị Th ngã xuống phản (dùng làm giường ngủ), đồng thời hô tắt điện đi, T đi ra cắt bát đĩa và dùng tay tắt công tắc điện, rồi ra bên ngoài ngồi cùng với Th. Lò Văn V, Lò Văn P đã có hành vi trực tiếp thực hiện việc quan hệ tình dục trái ý muốn của chị Th, chị Th chống cự thì V đã có hành vi lấy tay bịt mồm chị Th, chị Th đã cắn vào tay V, V bỏ tay ra rồi lại tiếp tục giữ tay chị Th để cởi áo của chị Th, chị Th chống cự nên V không cởi được áo của chị Th. Sau khi sờ tay ra phía sau biết quần của chị Th đã bị cởi ra, V đã thực hiện việc giao cấu với chị Th, nhưng chưa xuất tinh được vì chị Th chống cự. Tiếp đến Lò Văn P là người đã trực tiếp cởi quần của chị Th sau khi V đứng dậy P tiếp tục thực hiện hành vi quan hệ tình dục trái với ý muốn của chị Th, song cũng bị chị Th tìm cách chống cự nên P cũng chưa xuất tinh được. Lò Văn T mặc dù không trực tiếp thực hiện việc quan hệ tình dục với chị Th, nhưng T thừa nhận là đã đồng ý gật đầu khi V rủ quan hệ tình dục với chị Th, khi nghe V hô tắt điện đi thì T là người tắt điện và đi ra bên ngoài cửa ngõ, Khi V đang thực hiện việc quan hệ tình dục với chị Th thì T lại vào bật điện, vỗ vai V nói “Mày điên à”. V nói mày ra ngoài chưa đến lân thì T lại tiếp tục tắt điện và đi ra ngoài ngõ. Như vậy T tham gia vụ án với vai trò là người giúp sức, tắt điện phòng, tránh sự phát hiện của những người xung quanh, giúp V, P thực hiện việc hiếp dâm chị Th một cách dễ dàng hơn. Quàng Văn Th biết toàn bộ sự việc phạm tội của V, P, T nhưng không tố giác tội phạm với các cơ quan có thẩm quyền mà sau khi biết hành vi bị phát giác, đã cùng các đối tượng bỏ trốn về quê. Như vậy Hành vi, ý thức của bị cáo V, P, T (T1) đã đủ yếu tố cấu thành tội: “ Hiếp dâm” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 141 Bộ luật hình sự. Quàng Văn Th đã phạm tội: “Không tố giác tội phạm” theo quy định tại khoản 1 Điều 390 BLHS. Do vậy cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã PY đã truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật đã viện dẫn nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Điều 141 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc lợi dụng tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân hoặc thủ đoạn khác giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác trái với ý muốn của nạn nhân, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a,...

b,...

c, Nhiều người hiếp một người.

Điều 390. Tội không tố giác tội phạm

1. Người nào biết rõ một trong các tội phạm quy định tại khoản 2 hoặc khoản 3 Điều 14 của Bộ luật này đang được chuẩn bị hoặc một trong các tội phạm quy định tại Điều 389 của Bộ luật này đang được thực hiện hoặc đã được thực hiện mà không tố giác, nếu không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 19 của Bộ luật này, thì bị phạt cảnh cáo, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

...

Điều 390 BLHS dẫn chiếu tới Điều 389 BLHS như sau:

Điều 389 BLHS quy định:

“1. Người nào không hứa hẹn trước mà che giấu một trong các tội phạm quy định tại các điều sau đây của Bộ luật này, nếu không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 18 của Bộ luật này, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 05 năm:

a,...

b, Điều 123, các khoản 2, 3 và 4 Điều 141, Điều 142, Điều 144, khoản 2 và khoản 3 Điều 146, các khoản 1, 2 và 3 Điều 150, các điều 151, 152, 153 và 154.

[3] *Xét tính chất vụ án:* Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Tội “Hiếp dâm” xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về tình dục của con người (đặc biệt là người phụ nữ), nhân phẩm, danh dự, sức khỏe của con người. Tội không tố giác tội phạm: không chỉ xâm phạm hoạt động đúng đắn, uy tín của các cơ quan tư pháp, lợi ích của Nhà nước, tổ chức mà còn xâm phạm tới các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Hành vi phạm tội của các bị cáo gây bức xúc trong nhân dân. Do đó việc đưa các bị cáo ra truy tố, xét xử bằng pháp luật hình sự là cần thiết, nhằm giáo dục các bị cáo và đề phòng ngừa chung.

[4]. *Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án thấy:* Đây là vụ án có đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự bàn bạc, thống nhất từ trước. Tuy nhiên trong vụ án này bị cáo Lò Văn V giữ vai trò chính, là người khởi xướng và trực

tiếp thực hiện tội phạm. Bị cáo Lò Văn P là người giúp sức đồng thời cũng là người trực tiếp thực hiện tội phạm. Bị cáo Lò Văn T (T1) là đồng phạm với vai trò giúp sức, vai trò thứ yếu. Bị cáo Th thực hiện tội phạm độc lập.

[4 Xét nhân thân các bị cáo: Các bị cáo đều xuất thân từ nhân dân lao động, chưa có tiền án, tiền sự, chỉ vì một phút suy nghĩ thiếu chín chắn, nên đã dẫn các bị cáo đến việc phạm tội.

[5] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào. Các bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 6.000.000đồng (mỗi bị cáo bồi thường 1.500.000đồng), tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải. Nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Th được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS. Các bị cáo đều là người dân tộc ít người nhận thức có phần hạn chế, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Nên cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

[6]. Về hình phạt: Căn cứ vào tính chất của vụ án, cân nhắc nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo. Hội đồng xét xử thấy: Mặc dù các bị cáo đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Song các bị cáo đều phạm tội với lỗi cố ý, hành vi phạm tội của các bị cáo gây bức xúc trong nhân dân vì vậy cần buộc các bị cáo cách ly khỏi xã hội một thời gian mới có thể cải tạo các bị cáo thành công dân tốt và cũng thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật, nhằm giáo dục và phòng ngừa tội phạm. Tuy nhiên xét về vai trò của từng bị cáo trong vụ án thấy bị cáo V giữ vai trò chính, là người khởi xướng và trực tiếp thực hiện tội phạm, bị cáo P giữ vai trò giúp sức và cũng trực tiếp thực hiện tội phạm. Nên hình phạt của bị cáo V cao hơn bị cáo P. Bị cáo T (T1) không trực tiếp thực hiện tội phạm nhưng có cùng thống nhất ý chí với các bị cáo, bật tắt điện để cho các bị cáo V, P dễ dàng thực hiện tội phạm. Song xét thấy vai trò của bị cáo là thứ yếu, không đáng kể, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ cần áp dụng quy định tại Điều 54 Bộ luật hình sự. Áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng. Đối với bị cáo Th có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú ổn định rõ ràng, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do vậy không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội vẫn có thể cải tạo bị cáo thành công dân tốt, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

Mức hình phạt Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp cần được chấp nhận.

Không chấp nhận ý kiến của người bào chữa cho bị cáo V, P vì: Hai bị cáo là người giữ vai trò chính , trực tiếp thực hiện tội phạm , hành vi phạm tội của các bị cáo gây bức xúc trong nhân dân , làm cho nhân dân bất bình .Vì vậy cần phải có mức hình phạt tương xứng với tội phạm mà các bị cáo đã thực hiện . Để làm bài học giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm. Đối với bị cáo T xem xét đến vai trò của bị cáo nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm nhẹ phần nào hình phạt cho bị cáo, phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra các bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 6.000.000đồng, bồi thường tổn thất tinh thần. Bị hại đã nhận đủ số tiền này và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm khoản tiền nào khác. Xét thấy việc thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo và bị hại trên tinh thần tự nguyện và cũng phù hợp với quy định của pháp luật, cần được ghi nhận.

[8]. *Vật chứng của vụ án*: 01 bì niêm phong màu trắng của Bộ công an – Tổng cục cảnh sát PCTP, ký hiệu A, ghi 01 chiếc quần lót màu tím, đã qua sử dụng. Là vật chứng của vụ án, không có giá trị sử dụng cần tịch thu để tiêu hủy.

[9]. *Về án phí*: Các bị cáo là người dân tộc thiểu số, là hộ cận nghèo sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

[10]. *Về quyền kháng cáo*: Các bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Các bị cáo Lò Văn V, Lò Văn P, Lò Văn T (T1) phạm tội "Hiếp dâm" theo điểm c khoản 2 Điều 141 Bộ luật hình sự. Bị cáo Quàng Văn Th phạm tội: “Không tố giác tội phạm” Theo khoản 1 Điều 390 Bộ luật hình sự.

1. Về hình phạt:

Hình phạt chính: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 141, điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, 38, 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Lò Văn V 08 (tám) năm tù giam. Thời hạn thụ hình tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 08/3/2018.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 141, điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, 38, 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Lò Văn P 07 (bảy) năm tù giam. Thời hạn thụ hình tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 08/3/2018.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 141, điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, 38, 54, 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Lò Văn T (T1) 03 (ba) năm tù giam. Thời hạn thụ hình tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 26/6/2018.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự: Ra quyết định tạm giam bị cáo Lò Văn V, Lò Văn Phông, Lò Văn Tại (Tài) mỗi bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 390, điểm b,i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Quàng Văn Thuận 12 (mười hai) tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Quàng Văn Thuận cho Ủy ban nhân dân xã Nậm Lầu, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự từ hai lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, các Điều 584,585,586 và khoản 2 Điều 592 Bộ luật dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường tổn thất tinh thần giữa các bị cáo, bị hại. Các bị cáo đã bồi thường xong cho chị Nguyễn Thị Thoa 6.000.000đồng (sáu triệu) đồng.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 89 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật hình sự: Tịch thu tiêu hủy: 01 bì niêm phong màu trắng của Bộ công an – Tổng cục cảnh sát PCTP, ký hiệu A, ghi 01 chiếc quần lót màu tím, đã qua sử dụng.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận giữa Cơ quan điều tra Công an thị xã Phổ Yên với Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên ngày 16/10/2018)

4. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331,333 của Bộ luật tố tụng hình sự. Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo, bị hại biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên
- VKSND thị xã Phổ Yên;
- Trại giam tỉnh Thái Nguyên;
- CA thị xã Phổ Yên;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- CCTHADS-TDA;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà
(Đã ký)

Hà Thị Thu Thủy